

Số: 44/QĐ-ĐHCVA

Hưng Yên, ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh chuyên ngành Khai thác Cảng hàng không và chuyên ngành Vận tải hàng không của Trường Đại học Chu Văn An

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học có hiệu lực ngày 01/01/2019;

Căn cứ Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 8 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Chu Văn An;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 18/03/2021 ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/06/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh chuyên ngành Khai thác Cảng hàng không và chuyên ngành Vận tải hàng không ngày 27/03/2024;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học kèm Ma trận chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh chuyên ngành Khai thác Cảng hàng không và chuyên ngành Vận tải hàng không của Trường Đại học Chu Văn An.

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm 2024.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan, các cán bộ, giảng viên và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công TTĐT Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Hoàng Thế Liên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

KHOA PHỤ TRÁCH: KINH TẾ

Năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

*(Ban hành theo Quyết định số 44./QĐ-CVA ngày 28./..../2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Chu Văn An)*

PHẦN 1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

Tên chuyên ngành: Vận tải hàng không

Mã ngành đào tạo: 7340101

Thời gian đào tạo: **3 đến 4 năm**

Danh hiệu tốt nghiệp: **Cử nhân**

Tên văn bằng tốt nghiệp: Tiếng Việt: **Cử nhân Quản trị kinh doanh**

Tiếng Anh: **Bachelor of Business Administration**

Đơn vị thực hiện: **Khoa Kinh tế**

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng, chuyên ngành Quản trị kinh doanh - Vận tải hàng không, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp đặc biệt doanh nghiệp Cảng hàng không trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể học tiếp ở các bậc học cao hơn trong cùng lĩnh vực khoa học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

PO1: Có kiến thức chung về triết học, đặc biệt là triết học Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách, pháp luật

Có một trong những chứng chỉ quốc tế tiếng Anh: TOEFL 450, TOEFL IBT 57, TOEIC 450, IELTS 4.5, PET 70, BULATS 40 còn thời hạn tính từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày xét tốt nghiệp.

Đạt chuẩn đầu ra về Tin học không chuyên tại Trường Đại học Ecopark Việt Nam về việc kiểm tra kiến thức và những kỹ năng thực hành theo chuẩn IC3: Có kiến thức căn bản về máy tính (phần cứng, phần mềm, biểu diễn dữ liệu trên máy tính, mạng máy tính, vấn đề tổ chức và lưu trữ dữ liệu trên máy tính, tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet, vấn đề an toàn thông tin).

Kỹ năng xử lý văn bản: soạn thảo và trình bày văn bản từ đơn giản đến tài liệu dài (thực hiện được cấu trúc một văn bản trong Microsoft Word, tạo mới, nhập văn bản, lưu trữ, sử dụng lại văn bản, copy, cut,... định dạng văn bản, mail messenger, sử dụng Template và Style).

Kỹ năng xử lý bảng tính căn bản: hiểu và thao tác thành thạo trên các thành phần giao diện của Microsoft Excel, nhập dữ liệu đúng, vận dụng một số hàm và các toán tử của Excel, biểu đồ.

Kỹ năng tạo trình chiếu: tạo và trình bày tập tin trình chiếu với PowerPoint, các hiệu ứng khi trình chiếu, in slide, Handout.

Kỹ năng xử lý CSDL (căn bản): tạo một CSDL, nhập dữ liệu và truy vấn trong cơ sở dữ liệu Access, tạo form và report đơn giản trong Access.

2.2.4. Năng lực tự chủ, trách nhiệm: PO6

Có hoài bão, say mê, tự tin, năng động, sáng tạo trong công việc; dám đương đầu với rủi ro và quyết đoán trong kinh doanh; giữ chữ tín và cam kết tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp.

Có ý thức trách nhiệm, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tinh thần hợp tác.

Chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, và các quy chế đào tạo của trường, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm với môi trường sống, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Đối tượng tuyển sinh

3.2. Phạm vi tuyển sinh: Trên toàn quốc

3.3. Phương thức tuyển sinh

3.3.1. Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

3.3.2. Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT

3.3.3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển

4. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Chu Văn An.

5. Chuẩn đầu ra

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo này có khả năng như sau:

Mã số CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Cấp bậc nhận thức theo thang đo của Bloom
Chuẩn về kiến thức		
KT1	Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên, Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.	2
KT2	Hiểu và vận dụng được các kiến thức liên quan những vấn đề của Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội, đồng thời ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.	2
KT3	Hiểu và vận dụng các kiến thức, công cụ nền tảng của kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, các kiến thức về tài chính - tiền tệ, nguyên lý kế toán và các kiến thức ngành vào hoạt động quản trị kinh doanh	3
KT4	Trình bày được cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động và các nội dung cơ bản của IATA (Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế) và ICAO (Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế). Giải thích các chính sách Thương mại Hàng không trên thế giới; Dịch vụ Thương mại Hàng không quốc tế trên thế giới và ở Việt Nam. Phân tích các quan hệ kinh tế Thương mại Hàng không trên thế giới và ở Việt Nam.	3

KT5	Phân biệt những loại hoạt động liên quan đến vận hành, khai thác và dịch vụ thương mại Hàng không, cũng như trình tự tiến hành các hoạt động đó. Nhận dạng các yếu tố quan trọng cần chuẩn bị và những kỹ thuật đàm phán ký kết Thương mại Hàng không Quốc tế và trong nước. Lựa chọn điều kiện Thương mại Hàng không quốc tế thích hợp cho từng Doanh nghiệp cụ thể. Có khả năng nắm bắt và chuẩn bị các giấy tờ pháp lý Thương mại Hàng không Quốc tế và trong nước. Soạn thảo các nội dung cơ bản của hợp đồng Thương mại dịch vụ Hàng không quốc tế và trong nước.	3
KT6	Giải thích những lý thuyết cơ bản về quản trị dịch vụ khách hàng tại các doanh nghiệp hàng không quốc tế và trong nước. Phân tích và giải quyết các tình huống về dịch vụ khách hàng trong lĩnh vực hàng không. Giám sát và phân loại các nhóm khách hàng trong lĩnh vực hàng không cũng như thực hiện kỹ năng quản trị dịch vụ hàng không tối ưu. Đưa ra các nội dung cải tiến chất lượng dịch vụ tại doanh nghiệp công tác.	4
KT7	Giải thích được những nguyên tắc cho hoạt động nghiên cứu thị trường Thương mại Hàng không quốc tế, phân khúc, lựa chọn thị trường mục tiêu và quyết định các phương thức thâm nhập thị trường Thương mại Hàng không quốc tế và trong nước. Xác định những nhân tố môi trường ảnh hưởng đến các chiến lược thâm nhập thị trường Thương mại Hàng không quốc tế và trong nước. Sử dụng các công cụ chiến lược marketing mix để thực hiện mục tiêu thâm nhập thị trường Thương mại Hàng không quốc tế và trong nước. Xây dựng và tổ chức hoạt động marketing Thương mại Hàng không quốc tế của một doanh nghiệp.	3
KT8	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin phục vụ công việc chuyên môn và công tác quản lý.	3
Chuẩn về kỹ năng (bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm)		
KN1	Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề	3

KN2	Tổ chức và thực hiện đúng quy trình các hoạt động tuyển dụng và đào tạo nhân sự, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển thương hiệu.	4
KN3	Tư duy hệ thống: nhận biết vấn đề một cách đa chiều, sắp xếp vấn đề theo thứ tự ưu tiên	4
KN4	Thành lập, tổ chức, dẫn dắt và phát triển nhóm.	3
KN5	Nghiên cứu độc lập, làm việc có kế hoạch và khoa học.	3
KN6	Thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh và tổ chức quản lý lĩnh vực, doanh nghiệp có hiệu quả.	4
KN7	Chủ động tổ chức, quản lý và tham gia hoạt động tác nghiệp	4
KN8	Vận dụng các kỹ năng giao tiếp phù hợp trong hoạt động truyền thông tương ứng với yêu cầu kinh doanh của doanh nghiệp.	3
Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm		
TC1	Tuân thủ luật pháp, nguyên tắc, quy định và chuẩn mực khi thực hiện các hoạt động kinh doanh; Chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, và các quy chế đào tạo của trường, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm với môi trường sống, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.	1
TC2	Say mê, tự tin, năng động, sáng tạo trong công việc; dám đương đầu với rủi ro và quyết đoán trong kinh doanh; giữ chữ tín và cam kết tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp.	4
TC3	Trung thực và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong công việc; có ý thức bảo vệ môi trường, có trách nhiệm xã hội, bảo vệ lợi ích cộng đồng và nhạy cảm với bối cảnh toàn cầu về văn hóa để có các giải pháp kinh doanh bền vững.	2

TC4	Chủ động tu dưỡng rèn luyện đạo đức, học tập nâng cao năng lực chuyên môn, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt; tôn trọng đối tác, khách hàng, năng động, tự tin, có trách nhiệm khi phục vụ khách hàng và cộng đồng; cởi mở, thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh; có tinh thần hợp tác làm việc nhóm.	4
Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học		
CNN1	Sử dụng thành thạo tiếng Anh (Bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT)	3
CTH1	Sử dụng thành thạo tin học văn phòng (trình độ CNTT cơ bản theo quy định Thông tư 17/2021/TT-BTTTT)	3
CTH2	Đạt chuẩn đầu ra về Tin học không chuyên tại Trường Đại học Ecopark Việt Nam về việc kiểm tra kiến thức và những kỹ năng thực hành theo chuẩn IC3	3

*Thang đo Bloom: 6 cấp độ đo sự nhận thức về kiến thức 1. Ghi nhớ -Remembering; 2. Hiểu -Understanding; 3. Áp dụng -Applying; 4. Phân tích -Analyzing; 5. Đánh giá -Evaluating; 6. Sáng tạo (Creating)

* Ma trận tích hợp giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PO) và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Mã số CĐR)

PO Mã CĐR	Mức độ Bloom	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
KT1	3	x					
KT2	3		x				
KT3	3		x				
KT4	3			x			
KT5	3			x			
KT6	3			x			
KT7	3			x			
KT8	3			x			
KN1	3				x		

KN2	3				x		
KN3	3				x		
KN4	3				x		
KN5	3				x		
KN6	3				x		
KN7	3				x		
KN8	3				x		
TC1	3						x
TC2	3						x
TC3	3						x
TC4	3						x
CNN1	3					x	
CTH1	3					x	
CTH2	3					x	

6. Triển vọng nghề nghiệp

Cử nhân “Quản trị Kinh doanh vận tải Hàng không” sau khi tốt nghiệp có đủ khả năng làm việc tại các Doanh nghiệp, Cơ quan Nhà nước trong ngành Hàng không – Sân bay, với các công việc sau:

- Quản lý và nhân viên tại các loại hình doanh nghiệp đặc biệt trong lĩnh vực Vận tải hàng không
- Quản lý và giám sát hoạt động phục vụ chuyến bay.
- Phục vụ hành khách bao gồm: các quy trình hỗ trợ đối với hành khách đến, đi, quá cảnh hoặc nối chuyến, làm thủ tục cho hành khách, hành lý và vận chuyển hành lý đến khu vực phân loại.
- Phục vụ hàng hóa bao gồm: các hoạt động lưu kho hàng hóa, xử lý hàng xuất, hàng chuyển tiếp và hàng nhập; xử lý các tài liệu liên quan đến hàng hóa, các thủ tục hải quan và thực hiện các quy trình bảo đảm an ninh hàng không do các bên thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của pháp luật.
- Giám sát viên chất lượng dịch vụ bao gồm: giám sát các dịch vụ tiện ích, tình hình hoạt động của các trang thiết bị, cơ sở hạ tầng tại nhà ga, các công trình thi công của đơn vị bên ngoài vào thực hiện tại nhà ga, theo dõi hợp đồng thuê mặt bằng tại nhà ga.

- Tự thành lập các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không như mở các đại lý bán vé cho các hãng, thành lập công ty giao nhận, công ty tư vấn hàng không.

- Chuyên viên, nhà quản trị, điều hành quản lý về hàng không tại các doanh nghiệp hàng không.

- Cán bộ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, dịch vụ... tại các viện nghiên cứu, giảng viên trong các trường đại học..., đặc biệt là trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

- Tiếp tục học tập để phát triển cao hơn trong sự nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực quản lý, quản trị kinh doanh...

7. Quy trình đào tạo và công nhận tốt nghiệp

7.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện trong 7 kì, trong đó có thời gian tích lũy kiến thức tại trường và thực tập tại cơ sở thực tế, đào tạo theo hình thức tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà trường.

7.2. Quy trình tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Thang điểm: thang điểm 10 và quy đổi theo hệ A, B, C, D, F

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 – 10,0	A+	4
	8,5 – 8,9	A	3,7
	8,0 – 8,4	B+	3,5
	7,0 – 7,9	B	3,0
	6,5 – 6,9	C+	2,5
	5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D+	1,5
	4,0 – 4,9	D	1
Không đạt	0,0 – 3,9	F	0

- Điểm học phần (Z) bao gồm:

+ Điểm chuyên cần (X) (đi học đầy đủ), tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài tập đầy đủ, tham gia bài tập nhóm được tính:

+ Điểm tham gia giữa kì (Y1) được tính:

+ Điểm thi hết môn học (Y2) được tính:

Điểm Z được tính theo công thức: $Z=0,01.X+0,03.Y1+0,60.Y2$

PHẦN II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ toàn khoá: **125** (không bao gồm GDTC, GDQP)

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC, GDQP)	33
	Học phần bắt buộc	27
	Học phần tự chọn	6
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92
1	Kiến thức cơ sở ngành	13
2	Kiến thức ngành	46
	Học phần bắt buộc	30
	Học phần tự chọn	6
	Kỹ năng bổ trợ	10
3	Kiến thức chuyên ngành Vận tải hàng không	21
4	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12
	<i>Thực tập</i>	8
	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	4
Tổng số:		125

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		33						

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	Học phần bắt buộc		27						
1	1050001	Triết học Mac – Lê Nin	3	15	3	27		90	
2	1050002	Kinh tế chính trị Mac – Lê Nin	2	15	2	13		60	
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	15	3	13		60	
4	1050004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	15	2	13		60	
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	2	13		60	
6	1040001	Tiếng Anh	4	30	2	28		120	
		Ngoại ngữ 2 (<i>Chọn 01 học phần</i>)	4	30	2	28		120	
7	1040002.1	Tiếng Trung	4	30	2	28		120	
8	1040002.2	Tiếng Hàn	4	30	2	28		120	
9	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành	4	30	2	28		120	1040001
10	1030001	Tin học	2	15			25	60	
11	1010103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	20		10		60	
	Học phần tự chọn (<i>Chọn 3 học phần</i>)		6						
12	1015004	Pháp luật đại cương	2	20		10		60	
13	1050009	Đại số tuyến tính	2	15	10	5		60	
14	1050009	Xác suất thống kê	2	15	10	5		60	
15	105010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15		15		60	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		92						
1	Kiến thức cơ sở ngành		13						
16	1020101	Kinh tế vi mô	2	15	10	5		60	
17	1020102	Kinh tế vĩ mô	2	15	10	5		60	1020101
18	1010301	Luật doanh nghiệp	2	15		15		60	
19	1022202	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3	20	5	20		90	
20	1022201	Nguyên lý kế toán	2	20	10			60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
21	1022101	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2	20	5	5		60	
2	Kiến thức ngành		46						
	Học phần bắt buộc		30						
22	1023201	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2	20		10		60	
23	1023202	Quản trị học	2	20		10		60	
24	1023203	Quản trị Marketing	3	30		15		90	1023202
25	1023204	Quản trị tài nguyên và môi trường	3	30	5	10		90	
26	1022306	Tài chính quốc tế	2	15	5	10		60	
27	1023301	Quản trị hành chính văn phòng	3	20	5	15	8	90	
28	1023302	Quản trị rủi ro	2	15	5	10		60	1023202
29	1023303	Quản trị nhân lực	4	30		30		120	1023202
30	1023304	Quản trị kinh doanh	3	20	10	15		90	1023202
31	1023306	Quản trị chất lượng	3	20	5	20		90	
32	1023310	Quản trị chiến lược	3	20	10	15		90	
	Học phần Tự chọn (chọn 3 học phần)		6						
33	1023313	Kinh tế đầu tư	2	15	5	10		60	
34	1022307	Phân tích tài chính	2	15	5	10		60	
35	1021202	Kiểm toán	2	15	5	10		60	
36	1023314	Quản trị thương mại điện tử	2	15	5	10		60	
37	1023315	Quản trị công ty đại chúng	2	15	5	10		60	
38	1023316	Quản trị công nghệ	2	15	5	10		60	
	Kỹ năng bổ trợ		10						
39	1023401	Định giá tài sản	2	5		10	20	60	
40	1023402	Kỹ năng giao tiếp	2	5		10	20	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
41	1023403	Kỹ năng làm việc nhóm	2	5		10	20	60	
42	1023404	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	5		10	20	60	
43	1023405	Kỹ năng lập và phân tích dự án	2	5		10	20	60	
3	Kiến thức chuyên ngành		21						
44	1025301	Tổng quan về Hàng không dân dụng	2	30				60	
45	1026301	Kinh tế vận tải hàng không	3	30	15			90	
46	1025303	An toàn, An ninh hàng không	3	45				90	
47	1025304	Pháp luật hàng không	2	30				60	
48	1026302	Quản trị dịch vụ khách hàng hàng không	3	30			20	90	
49	1026303	Mô hình và chiến lược kinh doanh vận tải hàng không	3	30			20	90	
50	1026304	Marketing dịch vụ hàng không	3	30			20	90	
51	1026305	Quản trị Hãng hàng không	2	30				60	
4	Kiến thức tốt nghiệp		12						
52	1025401	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	2						
53	1025402	Thực tập tại Cảng hàng không	2						
54	1026501	Thực tập nghề nghiệp chuyên sâu	4						
55	1026604	Khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp	4						
Viết khoá luận tốt nghiệp; thực tập chuyên môn: 12 tín chỉ									
4.1. Toàn bộ sinh viên đi thực tập chuyên môn trong thời gian tương đương: 8 tín chỉ									
4.2. Viết khoá luận tốt nghiệp: 4 tín chỉ.									
	Tổng tín chỉ toàn khoá		125						
	Kiến thức không tích lũy – 14 TC								
	Giáo dục QP-AN		11						

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
		Giáo dục thể chất	3						

3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Thời gian, địa điểm học	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4
Dự kiến học kỳ	1	2	3	4	5	6	7
Tổng số tín chỉ: 125 tín chỉ	16	18	18	18	20	18	17
Các môn học dưới đây không tính điểm vào điểm trung bình trung tích lũy nhưng được tính làm điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng cuối khóa (trừ kỹ năng bổ trợ). 1. Môn học Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ, sinh viên đăng ký học: 02 tín chỉ và học kỳ 1 và 1 tín chỉ vào học kỳ 2 2. Môn học Giáo dục Quốc phòng: 11 tín chỉ, học 01 tháng, tại trường hoặc đơn vị quân đội							

Bảng chi tiết kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ	Bố trí học kì						
				1	2	3	4	5	6	7
I	Kiến thức giáo dục đại cương		33							
	Học phần bắt buộc		27							
1	1050001	Triết học Mac – Lê Nin	3	3						
2	1050002	Kinh tế chính trị Mac – Lê Nin	2		2					
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2						
4	1050004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		2					
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2					
6	1040001	Tiếng Anh	4	4						
		Ngoại ngữ 2 (<i>Chọn 01 học phần</i>)	4			4				
7	1040002.1	Tiếng Trung								
8	1040002.2	Tiếng Hàn								
9	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành	4					4		
10	1030001	Tin học	2	2						

11	1010103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2					2		
	Học phần tự chọn (Chọn 3 học phần)		6							
12	1015004	Pháp luật đại cương	2		2					
13	1050009	Đại số tuyến tính	2							
14	1050009	Xác suất thống kê	2		2					
15	105010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		2					
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		89							
1	Kiến thức cơ sở ngành		13							
16	1020101	Kinh tế vi mô	2	2						
17	1020102	Kinh tế vĩ mô	2		2					
18	1010301	Luật doanh nghiệp	2		2					
19	1022202	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3	3						
20	1022201	Nguyên lý kế toán	2			2				
21	1022101	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2		2					
2	Kiến thức ngành		12							
	Học phần bắt buộc		30							
22	1023201	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2			2				
23	1023202	Quản trị học	2			2				
24	1023203	Quản trị Marketing	3			3				
25	1023204	Quản trị tài nguyên và môi trường	3				3			
26	1022306	Tài chính quốc tế	2			2				
27	1023301	Quản trị hành chính văn phòng	3			3				
28	1023302	Quản trị rủi ro	2				2			
29	1023303	Quản trị nhân lực	4				4			
30	1023304	Quản trị kinh doanh	3				3			
31	1023306	Quản trị chất lượng	3				3			
32	1023310	Quản trị chiến lược	3				3			
	Học phần Tự chọn (chọn 3 học phần)		6							
33	1023313	Kinh tế đầu tư	2			2				
34	1022307	Phân tích tài chính	2							

35	1021202	Kiểm toán	2							
36	1023314	Quản trị thương mại điện tử	2					2		
37	1023315	Quản trị công ty đại chúng	2							
38	1023316	Quản trị công nghệ	2					2		
	Kỹ năng bổ trợ		10							
39	1023401	Định giá tài sản	2					2		
40	1023402	Kỹ năng giao tiếp	2					2		
41	1023403	Kỹ năng làm việc nhóm	2					2		
42	1023404	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2					2		
43	1023405	Kỹ năng lập và phân tích dự án	2					2		
3	Kiến thức chuyên ngành		21							
44	1025301	Tổng quan về Hàng không dân dụng	2						2	
45	1026301	Kinh tế vận tải hàng không	3						3	
46	1025303	An toàn, An ninh hàng không	3						3	
47	1025304	Pháp luật hàng không	2						2	
48	1026302	Quản trị dịch vụ khách hàng hàng không	3						3	
49	1026303	Mô hình và chiến lược kinh doanh vận tải hàng không	3						3	
50	1026304	Marketing dịch vụ hàng không	3							3
51	1026305	Quản trị Hãng hàng không	2							2
4	Kiến thức tốt nghiệp		12							
52	1025401	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	2							2
53	1025402	Thực tập tại Cảng hàng không	2							2
54	1026501	Thực tập nghề nghiệp chuyên sâu	4							4
55	1026604	Khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp	4							4

4. Ma trận các học phần hình thành năng lực gồm: Kiến thức, Kỹ năng/ phẩm chất đạo đức, mức tự chủ và trách nhiệm theo chuẩn đầu ra của CTĐT

(Phụ lục đính kèm Phụ lục 01)

PHỤ LỤC 01

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN

KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG MA TRẬN NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA THEO THANG BLOOM

MÃ HỌC PHẦN			CHUẨN ĐẦU RA																			
			Kiến thức								Kỹ năng nghề nghiệp								Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
TT	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KT7	KT8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	TC1	TC2	TC3	TC4		
I	Kiến thức giáo dục đại cương																					
	Học phần bắt buộc																					
1	1050001	Triết học Mac – Lê Nin	2															1				
2	1050002	Kinh tế chính trị Mac – Lê Nin	2															1				
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2															1	2			
4	1050004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2															1	2	3	3	
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3															1	2	3	3	
6	1040001	Tiếng Anh	3	3														1	2	3	3	
		Ngoại ngữ 2 (Chọn 01 học phần)	3	3																		

PHỤ LỤC 02

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA KINH TẾ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng yên, ngày tháng năm 2021

BẢNG DANH SÁCH HỌC PHẦN VÀ GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH

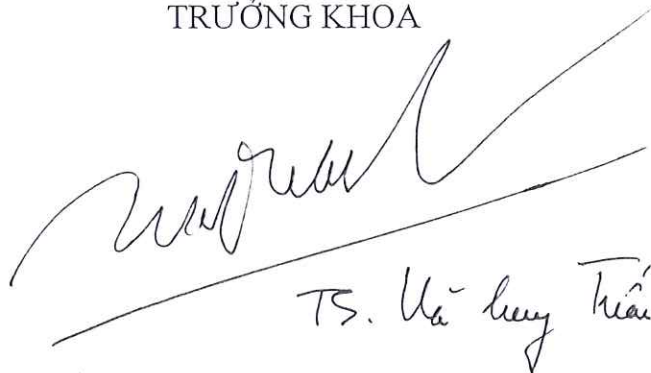
TT	Tên học phần	Tên giảng viên phụ trách	Học hàm /Học vị	Khoa/Bộ môn	Cơ hữu/ Thỉnh giảng	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
...						

Lưu ý: - Mỗi học phần có thể do 1 hoặc nhiều giảng viên giảng dạy; xếp theo thứ tự ưu tiên.

- Mỗi giảng viên giảng dạy không quá 03 học phần

TM. BAN CHỦ NHIỆM KHOA

TRƯỞNG KHOA



TS. Vũ Hưng Thái

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG
KHOA PHỤ TRÁCH: KINH TẾ

Năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG
(Ban hành theo Quyết định số 44/QĐ-CVA ngày 28/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An)

PHẦN 1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Tên chuyên ngành: Khai thác cảng hàng không

Mã ngành đào tạo: 7340101

Thời gian đào tạo: **3 đến 4 năm**

Danh hiệu tốt nghiệp: **Cử nhân**

Tên văn bằng tốt nghiệp: Tiếng Việt: **Cử nhân Quản trị kinh doanh**

Tiếng Anh: **Bachelor of Business Administration**

Đơn vị thực hiện: **Khoa Kinh tế**

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng, chuyên ngành Quản trị kinh doanh - Khai thác Cảng hàng không, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp đặc biệt doanh nghiệp Cảng hàng không trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể học tiếp ở các bậc học cao hơn trong cùng lĩnh vực khoa học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

PO1: Có kiến thức chung về triết học, đặc biệt là triết học Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách, pháp luật

Có một trong những chứng chỉ quốc tế tiếng Anh: TOEFL 450, TOEFL IBT 57, TOEIC 450, IELTS 4.5, PET 70, BULATS 40 còn thời hạn tính từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày xét tốt nghiệp.

Đạt chuẩn đầu ra về Tin học không chuyên tại Trường Đại học Ecopark Việt Nam về việc kiểm tra kiến thức và những kỹ năng thực hành theo chuẩn IC3: Có kiến thức căn bản về máy tính (phần cứng, phần mềm, biểu diễn dữ liệu trên máy tính, mạng máy tính, vấn đề tổ chức và lưu trữ dữ liệu trên máy tính, tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet, vấn đề an toàn thông tin).

Kỹ năng xử lý văn bản: soạn thảo và trình bày văn bản từ đơn giản đến tài liệu dài (thực hiện được cấu trúc một văn bản trong Microsoft Word, tạo mới, nhập văn bản, lưu trữ, sử dụng lại văn bản, copy, cut,... định dạng văn bản, mail messenger, sử dụng Template và Style.

Kỹ năng xử lý bảng tính căn bản: hiểu và thao tác thành thạo trên các thành phần giao diện của Microsoft Excel, nhập dữ liệu đúng, vận dụng một số hàm và các toán tử của Excel, biểu đồ.

Kỹ năng tạo trình chiếu: tạo và trình bày tập tin trình chiếu với PowerPoint, các hiệu ứng khi trình chiếu, in slide, Handout.

Kỹ năng xử lý CSDL (căn bản): tạo một CSDL, nhập dữ liệu và truy vấn trong cơ sở dữ liệu Access, tạo form và report đơn giản trong Access.

2.2.4. Năng lực tự chủ, trách nhiệm: PO6

Có hoài bão, say mê, tự tin, năng động, sáng tạo trong công việc; dám đương đầu với rủi ro và quyết đoán trong kinh doanh; giữ chữ tín và cam kết tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp.

Có ý thức trách nhiệm, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tinh thần hợp tác.

Chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, và các quy chế đào tạo của trường, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm với môi trường sống, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Đối tượng tuyển sinh

3.2. Phạm vi tuyển sinh: Trên toàn quốc

3.3. Phương thức tuyển sinh

3.3.1. Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

3.3.2. Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT

3.3.3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển

4. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Chu Văn An.

5. Chuẩn đầu ra

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo này có khả năng như sau:

Mã số CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Cấp bậc nhận thức theo thang đo của Bloom
Chuẩn về kiến thức		
KT1	Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên, Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.	2
KT2	Hiểu và vận dụng được các kiến thức liên quan những vấn đề của Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội, đồng thời ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.	2
KT3	Hiểu và vận dụng các kiến thức, công cụ nền tảng của kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, các kiến thức về tài chính - tiền tệ, nguyên lý kế toán và các kiến thức ngành vào hoạt động quản trị kinh doanh.	3
KT4	Trình bày được cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động và các nội dung cơ bản của IATA (Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế) và ICAO (Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế). Giải thích các chính sách Thương mại Hàng không trên thế giới; Dịch vụ Thương mại Hàng không quốc tế trên thế giới và ở Việt Nam. Phân tích các quan hệ kinh tế Thương mại Hàng không trên thế giới và ở Việt Nam.	3

KT5	Phân biệt những loại hoạt động liên quan đến Thương mại Cảng Hàng không, cũng như trình tự tiến hành các hoạt động đó. Nhận dạng các yếu tố quan trọng cần chuẩn bị và những kỹ thuật đàm phán ký kết Thương mại Cảng Hàng không Quốc tế và trong nước. Lựa chọn điều kiện Thương mại Cảng Hàng không quốc tế thích hợp cho từng Doanh nghiệp cụ thể. Chuẩn bị các giấy tờ pháp lý Thương mại Cảng Hàng không Quốc tế và trong nước. Soạn thảo các nội dung cơ bản của hợp đồng Thương mại Cảng Hàng không quốc tế và trong nước.	3
KT6	Giải thích những lý thuyết cơ bản về thanh toán Thương mại Cảng Hàng không quốc tế. Phân tích các tình huống nghiệp vụ trong thanh toán Thương mại Cảng Hàng không quốc tế. Thao tác các nghiệp vụ liên quan đến các giao dịch thanh toán quốc tế (các nghiệp vụ giao dịch Thương mại Cảng Hàng không, phát hành các công cụ thanh toán, áp dụng các phương thức thanh toán Thương mại Cảng Hàng không trong giao dịch Thương mại Cảng Hàng không quốc tế).	4
KT7	Trình bày sự tác động của toàn cầu hoá đến nền kinh tế của từng quốc gia cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Phân tích sự khác biệt giữa các quốc gia, môi trường Thương mại Cảng Hàng không, đầu tư toàn cầu và hệ thống Thương mại Cảng Hàng không toàn cầu. Phân tích quá trình hoạch định chiến lược và thực hiện chiến lược kinh doanh Thương mại Cảng Hàng không quốc tế và trong nước của các Doanh nghiệp Cảng Hàng không Quốc tế và Việt Nam. Giải thích cấu trúc và cách vận hành của các thị trường Thương mại Cảng Hàng không quốc tế. Áp dụng vào thực tế để giải quyết các vấn đề về quản trị tài chính doanh nghiệp phát sinh trong bối cảnh kinh doanh Thương mại Cảng Hàng không Quốc tế và trong nước, đặc biệt trong và sau dịch COVID-19 vừa qua.	3
KT8	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin phục vụ công việc chuyên môn và công tác quản lý.	3
Chuẩn về kỹ năng (bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm)		

KN1	Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề	3
KN2	Tổ chức và thực hiện đúng quy trình các hoạt động tuyển dụng và đào tạo nhân sự, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển thương hiệu.	4
KN3	Tư duy hệ thống: nhận biết vấn đề một cách đa chiều, sắp xếp vấn đề theo thứ tự ưu tiên	4
KN4	Thành lập, tổ chức, dẫn dắt và phát triển nhóm.	3
KN5	Nghiên cứu độc lập, làm việc có kế hoạch và khoa học.	3
KN6	Thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh và tổ chức quản lý lĩnh vực, doanh nghiệp có hiệu quả.	4
KN7	Chủ động tổ chức, quản lý và tham gia hoạt động tác nghiệp	4
KN8	Vận dụng các kỹ năng giao tiếp phù hợp trong hoạt động truyền thông tương ứng với yêu cầu kinh doanh của doanh nghiệp.	3
Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm		
TC1	Tuân thủ luật pháp, nguyên tắc, quy định và chuẩn mực khi thực hiện các hoạt động kinh doanh; Chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, và các quy chế đào tạo của trường, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm với môi trường sống, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.	1
TC2	Say mê, tự tin, năng động, sáng tạo trong công việc; dám đương đầu với rủi ro và quyết đoán trong kinh doanh; giữ chữ tín và cam kết tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp.	4
TC3	Trung thực và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong công việc; có ý thức bảo vệ môi trường, có trách nhiệm xã hội, bảo vệ lợi ích cộng đồng và nhạy cảm với bối cảnh toàn cầu về văn hóa để có các giải pháp kinh doanh bền vững.	2

TC4	Chủ động tu dưỡng rèn luyện đạo đức, học tập nâng cao năng lực chuyên môn, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt; tôn trọng đối tác, khách hàng, năng động, tự tin, có trách nhiệm khi phục vụ khách hàng và cộng đồng; cởi mở, thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh; có tinh thần hợp tác làm việc nhóm.	4
Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học		
CNN1	Sử dụng thành thạo tiếng Anh (Bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT)	3
CTH1	Sử dụng thành thạo tin học văn phòng (trình độ CNTT cơ bản theo quy định Thông tư 17/2021/TT-BTTTT)	3
CTH2	Đạt chuẩn đầu ra về Tin học không chuyên tại Trường Đại học Ecopark Việt Nam về việc kiểm tra kiến thức và những kỹ năng thực hành theo chuẩn IC3	3

**Thang đo Bloom: 6 cấp độ đo sự nhận thức về kiến thức 1. Ghi nhớ -Remembering; 2. Hiểu -Understanding; 3. Áp dụng -Applying; 4. Phân tích -Analyzing; 5. Đánh giá -Evaluating; 6. Sáng tạo (Creating)*

*** Ma trận tích hợp giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PO) và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Mã số CĐR)**

PO Mã CĐR	Mức độ Bloom	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
KT1	3	x					
KT2	3		x				
KT3	3		x				
KT4	3			x			
KT5	3			x			
KT6	3			x			
KT7	3			x			
KT8	3			x			
KN1	3				x		

KN2	3				x		
KN3	3				x		
KN4	3				x		
KN5	3				x		
KN6	3				x		
KN7	3				x		
KN8	3				x		
TC1	3						x
TC2	3						x
TC3	3						x
TC4	3						x
CNN1	3					x	
CTH1	3					x	
CTH2	3					x	

6. Triển vọng nghề nghiệp

Cử nhân “Quản trị Kinh doanh Khai thác Cảng Hàng không” sau khi tốt nghiệp có đủ khả năng làm việc tại các Doanh nghiệp, Cơ quan Nhà nước trong Cảng Hàng không – Sân bay, với các công việc sau:

- Quản lý và nhân viên tại các loại hình doanh nghiệp đặc biệt trong lĩnh vực Khai thác cảng hàng không
- Quản lý và giám sát hoạt động phục vụ chuyển bay.
- Phục vụ hành khách bao gồm: các quy trình hỗ trợ đối với hành khách đến, đi, quá cảnh hoặc nối chuyến, làm thủ tục cho hành khách, hành lý và vận chuyển hành lý đến khu vực phân loại.
- Phục vụ hàng hóa bao gồm: các hoạt động lưu kho hàng hóa, xử lý hàng xuất, hàng chuyển tiếp và hàng nhập; xử lý các tài liệu liên quan đến hàng hóa, các thủ tục hải quan và thực hiện các quy trình bảo đảm an ninh hàng không do các bên thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của pháp luật.
- Giám sát viên chất lượng dịch vụ bao gồm: giám sát các dịch vụ tiện ích, tình hình hoạt động của các trang thiết bị, cơ sở hạ tầng tại nhà ga, các công trình thi công của đơn vị bên ngoài vào thực hiện tại nhà ga, theo dõi hợp đồng thuê mặt bằng tại nhà ga.

- Chuyên viên tại các cảng hàng không bao gồm: thương mại, hành chính, điều phối kế hoạch, quản lý thanh toán quốc tế, quản lý vận hành và khai thác cảng hàng không.

- Tự thành lập các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không như mở các đại lý bán vé cho các hãng, thành lập công ty giao nhận, công ty tư vấn hàng không.

- Chuyên viên, nhà quản trị, điều hành quản lý về hàng không.

- Cán bộ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, dịch vụ... tại các viện nghiên cứu, giảng viên trong các trường đại học..., đặc biệt là trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

- Tiếp tục học tập để phát triển cao hơn trong sự nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực quản lý, quản trị kinh doanh...

- Có khả năng tham gia các chương trình Học giả của các quỹ nước ngoài

7. Quy trình đào tạo và công nhận tốt nghiệp

7.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện trong 7 kì, trong đó có thời gian tích lũy kiến thức tại trường và thực tập tại cơ sở thực tế, đào tạo theo hình thức tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà trường.

7.2. Quy trình tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Thang điểm: thang điểm 10 và quy đổi theo hệ A, B, C, D, F

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 – 10,0	A+	4
	8,5 – 8,9	A	3,7
	8,0 – 8,4	B+	3,5
	7,0 – 7,9	B	3,0
	6,5 – 6,9	C+	2,5
	5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D+	1,5
	4,0 – 4,9	D	1
Không đạt	0,0 – 3,9	F	0

- Điểm học phần (Z) bao gồm:

+ Điểm chuyên cần (X) (đi học đầy đủ), tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài tập đầy đủ, tham gia bài tập nhóm được tính:

+ Điểm tham gia giữa kì (Y1) được tính:

+ Điểm thi hết môn học (Y2) được tính:

Điểm Z được tính theo công thức: $Z=0,01.X+0,03.Y1+0,60.Y2$

PHẦN II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ toàn khoá: **125** (không bao gồm GDTC, GDQP)

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC, GDQP)	33
	Học phần bắt buộc	27
	Học phần tự chọn	6
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92
1	Kiến thức cơ sở ngành	13
2	Kiến thức ngành	46
	Học phần bắt buộc	30
	Học phần tự chọn	6
	Kỹ năng bổ trợ	10
3	Kiến thức chuyên ngành Vận tải hàng không	21
4	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12
	<i>Thực tập</i>	8
	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	4
Tổng số:		125

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		33						
	Học phần bắt buộc		27						
1	1050001	Triết học Mac – Lê Nin	3	15	3	27		90	
2	1050002	Kinh tế chính trị Mac – Lê Nin	2	15	2	13		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	15	3	13		60	
4	1050004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	15	2	13		60	
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	2	13		60	
6	1040001	Tiếng Anh	4	30	2	28		120	
		Ngoại ngữ 2 (<i>Chọn 01 học phần</i>)	4	30	2	28		120	
7	1040002.1	Tiếng Trung	4	30	2	28		120	
8	1040002.2	Tiếng Hàn	4	30	2	28		120	
9	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành	4	30	2	28		120	1040001
10	1030001	Tin học	2	15			25	60	
11	1010103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	20		10		60	
	Học phần tự chọn (Chọn 3 học phần)		6						
12	1015004	Pháp luật đại cương	2	20		10		60	
13	1050009	Đại số tuyến tính	2	15	10	5		60	
14	1050009	Xác suất thống kê	2	15	10	5		60	
15	105010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15		15		60	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		92						
1	Kiến thức cơ sở ngành		13						
16	1020101	Kinh tế vi mô	2	15	10	5		60	
17	1020102	Kinh tế vĩ mô	2	15	10	5		60	1020101
18	1010301	Luật doanh nghiệp	2	15		15		60	
19	1022202	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3	20	5	20		90	
20	1022201	Nguyên lý kế toán	2	20	10			60	
21	1022101	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2	20	5	5		60	
2	Kiến thức ngành		46						

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	Học phần bắt buộc		30						
22	1023201	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2	20		10		60	
23	1023202	Quản trị học	2	20		10		60	
24	1023203	Quản trị Marketing	3	30		15		90	1023202
25	1023204	Quản trị tài nguyên và môi trường	3	30	5	10		90	
26	1022306	Tài chính quốc tế	2	15	5	10		60	
27	1023301	Quản trị hành chính văn phòng	3	20	5	15	8	90	
28	1023302	Quản trị rủi ro	2	15	5	10		60	1023202
29	1023303	Quản trị nhân lực	4	30		30		120	1023202
30	1023304	Quản trị kinh doanh	3	20	10	15		90	1023202
31	1023306	Quản trị chất lượng	3	20	5	20		90	
32	1023310	Quản trị chiến lược	3	20	10	15		90	
	Học phần Tự chọn (chọn 3 học phần)		6						
33	1023313	Kinh tế đầu tư	2	15	5	10		60	
34	1022307	Phân tích tài chính	2	15	5	10		60	
35	1021202	Kiểm toán	2	15	5	10		60	
36	1023314	Quản trị thương mại điện tử	2	15	5	10		60	
37	1023315	Quản trị công ty đại chúng	2	15	5	10		60	
38	1023316	Quản trị công nghệ	2	15	5	10		60	
	Kỹ năng bổ trợ		10						
39	1023401	Định giá tài sản	2	5		10	20	60	
40	1023402	Kỹ năng giao tiếp	2	5		10	20	60	
41	1023403	Kỹ năng làm việc nhóm	2	5		10	20	60	
42	1023404	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	5		10	20	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
43	1023405	Kỹ năng lập và phân tích dự án	2	5		10	20	60	
3	Kiến thức chuyên ngành		21						
44	1025301	Tổng quan về Hàng không dân dụng	2	30				60	
45	1025302	Quy hoạch cảng hàng không - sân bay	3	30	15			90	
46	1025303	An toàn, An ninh hàng không	3	45				90	
47	1025304	Pháp luật hàng không	2	30				60	
48	1025305	Cơ sở hạ tầng và Quản trị thiết bị Cảng hàng không, sân bay	3	30			20	90	
49	1025306	Quản trị chất lượng dịch vụ và mối quan hệ giữa Cảng hàng không và các Hãng hàng không	3	30			20	90	
50	1025307	Quản trị thương mại Cảng hàng không, sân bay	2	30				60	
51	1025308	Quản trị các hoạt động khai thác Cảng hàng không, sân bay	3	30			20	90	
4	Kiến thức tốt nghiệp		12						
52	1025401	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	2						
53	1025402	Thực tập tại Cảng hàng không	2						
54	1025501	Thực tập nghề nghiệp chuyên sâu	4						
55	1025604	Khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp	4						
Viết khoá luận tốt nghiệp; thực tập chuyên môn: 12 tín chỉ									
4.1. Toàn bộ sinh viên đi thực tập chuyên môn trong thời gian tương đương: 8 tín chỉ									
4.2. Viết khoá luận tốt nghiệp: 4 tín chỉ.									
	Tổng tín chỉ toàn khoá		125						
	Kiến thức không tích lũy – 14 TC								

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
		Giáo dục QP-AN	11						
		Giáo dục thể chất	3						

3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Thời gian, địa điểm học	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4
Dự kiến học kỳ	1	2	3	4	5	6	7
Tổng số tín chỉ: 125 tín chỉ	16	18	18	18	20	18	17

Các môn học dưới đây không tính điểm vào điểm trung bình trung tích lũy nhưng được tính làm điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng cuối khóa (trừ kỹ năng bổ trợ).

1. Môn học Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ, sinh viên đăng ký học: 02 tín chỉ và học kỳ 1 và 1 tín chỉ vào học kỳ 2

2. Môn học Giáo dục Quốc phòng: 11 tín chỉ, học 01 tháng, tại trường hoặc đơn vị quân đội

Bảng chi tiết kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ	Bố trí học kì						
				1	2	3	4	5	6	7
I		Kiến thức giáo dục đại cương	33							
		Học phần bắt buộc	27							
1	1050001	Triết học Mac – Lê Nin	3	3						
2	1050002	Kinh tế chính trị Mac – Lê Nin	2		2					
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2						
4	1050004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		2					
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2					
6	1040001	Tiếng Anh	4	4						
		Ngoại ngữ 2 (<i>Chọn 01 học phần</i>)	4			4				
7	1040002.1	Tiếng Trung	4							
8	1040002.2	Tiếng Hàn	4							
9	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành	4					4		

10	1030001	Tin học	2	2						
11	1010103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2					2		
	Học phần tự chọn (Chọn 3 học phần)		6							
12	1015004	Pháp luật đại cương	2		2					
13	1050009	Đại số tuyến tính	2							
14	1050009	Xác suất thống kê	2		2					
15	105010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		2					
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		89							
1	Kiến thức cơ sở ngành		13							
16	1020101	Kinh tế vi mô	2	2						
17	1020102	Kinh tế vĩ mô	2		2					
18	1010301	Luật doanh nghiệp	2		2					
19	1022202	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3	3						
20	1022201	Nguyên lý kế toán	2			2				
21	1022101	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2		2					
2	Kiến thức ngành		12							
	Học phần bắt buộc		30							
22	1023201	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2			2				
23	1023202	Quản trị học	2			2				
24	1023203	Quản trị Marketing	3			3				
25	1023204	Quản trị tài nguyên và môi trường	3				3			
26	1022306	Tài chính quốc tế	2			2				
27	1023301	Quản trị hành chính văn phòng	3			3				
28	1023302	Quản trị rủi ro	2				2			
29	1023303	Quản trị nhân lực	4				4			
30	1023304	Quản trị kinh doanh	3				3			
31	1023306	Quản trị chất lượng	3				3			
32	1023310	Quản trị chiến lược	3				3			
	Học phần Tự chọn (chọn 3 học phần)		6							

33	1023313	Kinh tế đầu tư	2			2			
34	1022307	Phân tích tài chính	2						
35	1021202	Kiểm toán	2						
36	1023314	Quản trị thương mại điện tử	2				2		
37	1023315	Quản trị công ty đại chúng	2						
38	1023316	Quản trị công nghệ	2				2		
	Kỹ năng bổ trợ		10						
39	1023401	Định giá tài sản	2				2		
40	1023402	Kỹ năng giao tiếp	2				2		
41	1023403	Kỹ năng làm việc nhóm	2				2		
42	1023404	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2				2		
43	1023405	Kỹ năng lập và phân tích dự án	2				2		
3	Kiến thức chuyên ngành		21						
44	1025301	Tổng quan về Hàng không dân dụng	2					2	
45	1025302	Quy hoạch cảng hàng không - sân bay	3					3	
46	1025303	An toàn, An ninh hàng không	3					3	
47	1025304	Pháp luật hàng không	2					2	
48	1025305	Cơ sở hạ tầng và Quản trị thiết bị Cảng hàng không, sân bay	3					3	
49	1025306	Quản trị chất lượng dịch vụ và mối quan hệ giữa Cảng hàng không và các Hãng hàng không	3					3	
50	1025307	Quản trị thương mại Cảng hàng không, sân bay	2						2
51	1025308	Quản trị các hoạt động khai thác Cảng hàng không, sân bay	3						3
4	Kiến thức tốt nghiệp		12						
52	1025401	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	2						2
53	1025402	Thực tập tại Cảng hàng không	2						2
54	1025501	Thực tập nghề nghiệp chuyên sâu	4						4
55	1025604	Khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp	4						4

4. Ma trận các học phần hình thành năng lực gồm: Kiến thức, Kỹ năng/ phẩm chất đạo đức, mức tự chủ và trách nhiệm theo chuẩn đầu ra của CTĐT

(Phụ lục đính kèm Phụ lục 01)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN

KHOA KINH TẾ

PHỤ LỤC 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG MA TRẬN NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA THEO THANG BLOOM

CHUẨN ĐẦU RA																						
TT	MÃ HỌC PHẦN	KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức								Kỹ năng nghề nghiệp								Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
			KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KT7	KT8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	TC1	TC2	TC3	TC4
I	Kiến thức giáo dục đại cương																					
	Học phần bắt buộc																					
1	1050001	Triết học Mac – Lê Nin	2																1			
2	1050002	Kinh tế chính trị Mac – Lê Nin	2																1			
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2																1	2		
4	1050004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2																1	2	3	3
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3																1	2	3	3
6	1040001	Tiếng Anh	3	3															1	2	3	3
		Ngoại ngữ 2 (Chọn 01 học phần)	3	3																		



7	1040002.1	Tiếng Trung																			1	2	3	3
8	1040002.2	Tiếng Hàn																			1	2	3	3
9	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành	3	3																	1	2	2	2
10	1030001	Tin học	3	3																	1	2	2	2
11	1010103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	3	3																	1	2	2	2
		Học phần tự chọn (Chọn 3 học phần)																						
12	1015004	Pháp luật đại cương	2	2																	1	2	2	2
13	1050009	Đại số tuyến tính	2	2																	1	2	2	2
14	1050009	Xác suất thống kê	3	3							2										1	2	2	2
15	105010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3																	1	2	2	2
II		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																						
1		Kiến thức cơ sở ngành																						
16	1020101	Kinh tế vi mô	2	3	3						1	1	3	3	3	3	4	4	4	4	1	2	3	4
17	1020102	Kinh tế vĩ mô	2	3	3						1	1	3	3	3	3	4	4	4	4	1	2	3	4
18	1010301	Luật doanh nghiệp	2	3	2						1	1	3	3	3	3	4	4	4	4	1	2	3	4
19	1022202	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	2	2	3						1	1	3	3	3	3	4	4	4	4	1	2	3	4
20	1022201	Nguyên lý kế toán	2	2	3						1	1	3	3	3	3	4	4	4	4	1	2	3	4
21	1022101	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2	3	3						1	1	3	3	3	3	4	4	4	4	1	2	3	4

PHỤ LỤC 02

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng yên, ngày tháng năm 2021

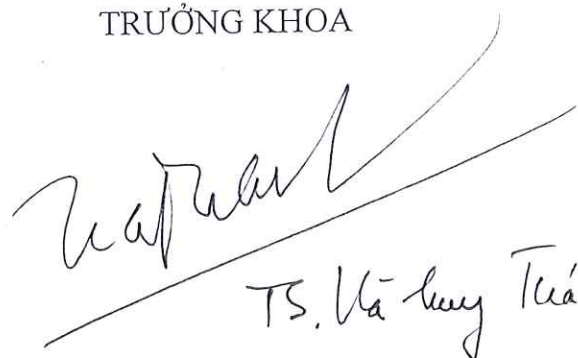
BẢNG DANH SÁCH HỌC PHẦN VÀ GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH

TT	Tên học phần	Tên giảng viên phụ trách	Học hàm /Học vị	Khoa/Bộ môn	Cơ hữu/Thỉnh giảng	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
...						

Lưu ý: - Mỗi học phần có thể do 1 hoặc nhiều giảng viên giảng dạy; xếp theo thứ tự ưu tiên.

- Mỗi giảng viên giảng dạy không quá 03 học phần

TM. BAN CHỦ NHIỆM KHOA
TRƯỞNG KHOA


TS. Vũ Hưng Tú